

# QUY TRÌNH DẠY HỌC

## Kiểu bài rèn luyện nghi thức lời nói trong giao tiếp ứng xử - chương trình tiếng Việt tiểu học

ThS. ĐẶNG THỊ LỆ TÂM  
Đại học Sư phạm Thái Nguyên

Việc dạy học tiếng bản ngữ trong trường phổ thông nói chung và trường tiểu học nói riêng ở nhiều nước hiện nay đang có nhiều đổi mới. Ở Việt Nam, những năm gần đây, nội dung dạy học tiếng Việt không còn quá thiên về cung cấp tri thức Việt ngữ học nữa mà đã chú ý đến rèn kĩ năng sử dụng ngôn ngữ. Theo cấu trúc chương trình, kĩ năng nói trong môn Tiếng Việt ở tiểu học bao gồm các kĩ năng: *sử dụng nghi thức lời nói (NTLN), đặt và trả lời câu hỏi, thuật việc, kể chuyện, phát biểu thuyết trình*. Các kĩ năng này đều được rèn luyện cho học sinh từ lớp 1 đến lớp 5 theo những mức độ yêu cầu phù hợp với lứa tuổi, trong đó *sử dụng NTLN* là một nội dung hoàn toàn mới được dạy ở nhà trường theo chương trình và có tính hệ thống.

Dựa vào cách phân loại các hành vi ngôn ngữ của J.L.Austin gồm *phán xử* (buộc tội, tuyên án); *hành xử* (ra lệnh, khuyên bảo); *cam kết* (hứa hẹn, thể nguyện); *ứng xử* (xin lỗi, cảm ơn, khen ngợi, chúc mừng, chia buồn, phê phán...); *trình bày* (khẳng định, phủ định, nhận xét, báo cáo ý kiến, tranh luận) và thông qua khảo sát nội dung dạy học NTLN trong sách giáo khoa thì các NTLN được dạy ở các lớp 1, 2, 3 được chia làm hai giai đoạn. Ở giai đoạn đầu (lớp 1, 2), học sinh chỉ được làm quen và học các NTLN đơn giản, thông thường như chào hỏi, xin lỗi, giới thiệu về bản thân... thuộc *phạm trù giao tiếp ứng xử* thì lên lớp trên, NTLN có liên quan đến các cuộc họp (tổ chức, xây dựng chương trình, điều khiển và phát biểu trong cuộc họp), giới thiệu các hoạt động của trường, địa phương, tập nói lời giải thích, tán thành hay bác bỏ một vấn đề... có tính chất nghi thức hơn thuộc *phạm trù giao tiếp trình bày*. Nếu như việc rèn kĩ năng giao tiếp với các NTLN tối thiểu, đơn giản cho học sinh đặt nền móng văn hóa và cách ứng xử văn hóa cho học sinh (từ tiểu học) thì việc rèn kĩ năng trình bày trong giao tiếp phục vụ đời sống và

học tập sẽ giúp các em tự thích ứng được với công việc học tập, với cuộc sống hàng ngày. Đây là những đóng góp rất lớn của phân môn Tập làm văn trong việc hình thành nhân cách và bản lĩnh cho học sinh tiểu học.

Cấu trúc kiểu bài tập rèn NTLN trong giao tiếp ứng xử thường gồm một lời trao hay lời đáp, cũng có khi bài tập gồm 2 hoặc 3 câu miêu tả tình huống giao tiếp, sau đó yêu cầu học sinh đưa ra một NTLN phù hợp.

Ví dụ 1: *Nói lời đáp của em:*

- *Cô làm ơn chỉ giúp cháu nhà bác Hạnh ở đâu ạ.*

- *Rất tiếc cô không biết, vì cô không phải người ở đây.* [4,58]

Ví dụ 2: *Em quên chiếc áo mưa trong lớp, quay lại trường để lấy. Bác bảo vệ sắp đi nghỉ, thấy em xin vào, bác mở cửa nói: "Cháu vào đi!". Em sẽ đáp lại thế nào?*[4,76]

Kiểu bài tập này thể hiện rõ nhất đặc trưng của bài tập giao tiếp, có *mục đích* rèn luyện cho học sinh tạo lập NTLN phù hợp với mục đích giao tiếp, ngữ cảnh giao tiếp và vai giao tiếp. Qua đó, rèn cho học sinh các kĩ năng cơ bản của hội thoại: kĩ năng trao đáp lời, kĩ năng tương tác và kĩ năng duy trì hội thoại. Dựa vào đặc thù của giờ học tiếng mẹ đẻ, việc dạy học sinh bài tập sử dụng NTLN trong giao tiếp ứng xử nên tiến hành theo các bước sau:

### \* **Bước 1: Tạo hoàn cảnh giao tiếp**

Đây là hoạt động nhằm kích thích sự tò mò, khơi dậy hứng thú của học sinh về chủ đề sắp học. Giáo viên (cùng với học sinh) vận dụng phương pháp thực hành giao tiếp để tạo các tình huống giao tiếp hoặc gợi lại những hiểu biết đã có của các em có liên quan đến bài học mới. Học sinh chỉ có thể có được lời nói tự nhiên khi các em thực sự "sống" trong tình huống giao tiếp đó. Hoạt động này rất đa dạng, thường bắt đầu với những kiến thức học sinh đã biết hoặc bắt đầu từ kinh nghiệm

của bản thân học sinh...từ đó sẽ kết nối với bài học dạy NTLN một cách tự nhiên.

Có rất nhiều cách để giáo viên huy động những trải nghiệm cá nhân của học sinh. Đó có thể là tình huống do giáo viên xây dựng nên mà tình huống ấy thuận chiều hoặc ngược chiều để đánh giá sự phản ứng của học sinh trong nhiều phương án khác nhau. Đó cũng có thể là những tình huống của chính học sinh đã gặp, đã làm, đã chứng kiến trong thực tế cuộc sống của các em. Đó cũng có thể là một bức tranh, một bài thơ, một câu chuyện do giáo viên sưu tầm để cho các em xem/đọc, đánh giá lời nói và hành động của các nhân vật. Có thể nói, hoạt động này rất đa dạng, thường bắt đầu với những kiến thức học sinh đã biết hoặc bắt đầu từ kinh nghiệm của bản thân học sinh...từ đó sẽ kết nối với bài học dạy NTLN một cách tự nhiên.

Ví dụ, trong bài dạy "*Cảm ơn, xin lỗi*" [3, 38], giáo viên cho học sinh quan sát tình huống giáo viên ứng xử với một học sinh trong lớp: giáo viên nhờ một học sinh mang cuộn tranh ở tủ đồ đưa lên bàn giáo viên, sau đó giáo viên nói lời cảm ơn: "Cô cảm ơn em". Khi giáo viên nhận cuộn tranh từ tay học sinh, giáo viên vô ý làm rơi, và nói lời xin lỗi: "Cô xin lỗi", sau đó học sinh nhặt lên giúp cô. Học sinh trả lời câu hỏi của giáo viên để phát hiện ra lời cảm ơn và lời xin lỗi trong tình huống trên.

Hỏi: Khi cô được bạn mang giúp bức tranh, cô nói gì?

Trả lời: Cô nói: "Cô cảm ơn em".

Hỏi: Khi cô đánh rơi bức tranh mà bạn mang giúp, cô nói gì?

Trả lời: Cô nói: "Cô xin lỗi".

- Học sinh nghe giáo viên giới thiệu nội dung bài mới.

Cũng với bài dạy "*Cảm ơn, xin lỗi*" như trên, giáo viên có thể cho học sinh tập đóng vai nói lời cảm ơn của các nhân vật trong một bài thơ hoặc một câu chuyện để học sinh vừa học vừa chơi.

Ở bước này, giáo viên cố gắng động viên học sinh nói theo suy nghĩ riêng của mình và càng nhiều học sinh được nói càng tốt để tất cả học sinh đều được khởi động, khám phá bài học bằng chính kinh nghiệm và cảm xúc của mình. Bước này rất quan trọng vì thực chất đây là bước tạo ấn tượng cho học sinh để các em sử dụng các NTLN đúng tình huống. Bên cạnh đó, thông qua bước

này, giáo viên cũng xác định được thực trạng kiến thức và kĩ năng sử dụng NTLN của học sinh trước khi vào vấn đề mới.

**\* Bước 2: Nhận biết kiến thức, kĩ năng bài học**

Để học sinh có thể nhận biết kiến thức, kĩ năng mới của bài học, từ đó nắm được cách sử dụng các NTLN trong hoạt động giao tiếp, giáo viên cần đưa ra nội dung kiến thức kĩ năng của bài, sau đó giúp các em tiến hành giải quyết một vài tình huống giao tiếp trong sách giáo khoa. Những nội dung dạy học NTLN không phải quá xa lạ đối với học sinh tiểu học bởi những nghi thức này đã được các em thực hiện và cũng khá quen thuộc trong cuộc sống đời thường. Chính vì vậy, điều quan trọng nhất là giáo viên phải xác định, lựa chọn các tình huống phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh và tâm lí của học sinh, giúp học sinh hiểu rõ tình huống giao tiếp để các em lựa chọn lời nói phù hợp với nghi thức giao tiếp.

Ví dụ, ở tiết dạy "*Cảm ơn, xin lỗi*" trên, sách giáo khoa đưa ra bài tập:

*Nói lời cảm ơn của em trong những trường hợp sau:*

- a) *Bạn cùng lớp cho em đi chung áo mưa.*
- b) *Cô giáo cho em mượn quyển sách.*
- c) *Em bé nhặt hộ chiếc bút rơi.*

Trong mỗi tình huống trên, nhân vật nói lời cảm ơn giữ các vai khác nhau: a) ngang hàng (nói với bạn bè); b) người nhỏ tuổi nói với người trên (nói với cô giáo); c) người trên (anh / chị) nói với vai người dưới (em nhỏ). Để giữ đúng vai trong giao tiếp, giáo viên cần nêu câu hỏi cho học sinh lựa chọn cách xưng hô phù hợp trong mỗi tình huống (xưng hô *tôi/tớ mình...* trong trường hợp thứ nhất), xưng *em* hoặc *con* trong trường hợp thứ hai, xưng *anh/ chị* trong tình huống thứ ba). Ngoài ra, giáo viên cần giúp học sinh biết thể hiện thái độ đúng mực khi nói với từng đối tượng giao tiếp: tôn trọng, lễ phép với người trên; vui vẻ, hoà nhã với bạn bè; ân cần với người bé hơn...Với bài tập trên, giáo viên cho học sinh đóng vai đưa ra lời cảm ơn trong từng tình huống như sau:

- Tình huống 1:

A: *Mưa to lắm, bạn đi chung áo mưa với mình cho khỏi ướt nhé!*

B: *Tốt quá, cảm ơn cậu.*

- Tình huống 2:

A: Cô cho em mượn quyển sách "Các đề thi học sinh giỏi Tiếng Việt" mà em vẫn thích này.

B: Ôi, tuyệt quá, em cảm ơn cô ạ.

- Tình huống 3:

A: Chị ơi, cái bút của chị rơi đây này.

B: Cho chị xin, chị cảm ơn em.

Sự đúng/sai trong lời nói học sinh tạo ra cần phải được xem xét, đánh giá trong sự so sánh với các chuẩn mực của nghi thức giao tiếp. Giáo viên tổ chức để học sinh phân tích tỉ mỉ mức độ đúng đắn và phù hợp của từng lời nói tiêu biểu đã nêu ra so với dữ kiện đã mô tả và yêu cầu thực hiện. Khi thực hiện bước này, giáo viên nên định hướng cho học sinh như: đã thực hiện đúng yêu cầu bài tập chưa; kết quả đã phù hợp với mức độ nào với dữ kiện bài tập về mục đích giao tiếp, vai giao tiếp, ngữ cảnh giao tiếp và nội dung giao tiếp. Có thể dựa vào việc trả lời các câu hỏi sau để đánh giá chất lượng của lời nói mà học sinh tạo ra:

- Cách dùng các đại từ xưng hô, các trợ từ... trong lời nói có phù hợp với vai giao tiếp không?

- Lời nói có phù hợp với mục đích nói không? (cách dùng từ, cách thể hiện ngữ điệu khi nói...)

- Nội dung lời nói có phù hợp với đề tài giao tiếp không?

Trong phần rút ra kết luận, tùy theo trình độ học sinh mà giáo viên hướng dẫn các em ghi nhớ và vận dụng trong quá trình giao tiếp của mình một cách ngắn gọn, tự nhiên, nhẹ nhàng. Chẳng hạn, trong bài tập có nội dung nói lời cảm ơn, giáo viên có thể hỏi: người khác giúp đỡ mình, mình có biết ơn họ không? Biết ơn họ, em phải nói gì?...

**\* Bước 3: Thực hành tình huống mới**

Đây là bước tạo cơ hội cho người học thực hành đóng vai, vận dụng kiến thức và kỹ năng vào giải quyết tình huống mới sau khi học sinh đã tích lũy thêm những kiến thức, kỹ năng của bài học. NTLN không thể được hình thành chỉ qua việc nghe giảng và xem giáo viên làm mẫu mà phải thông qua các hoạt động tương tác với người khác. Nhiều NTLN được hình thành trong quá trình học sinh thảo luận, đóng vai với các bạn khi thực hiện các tình huống giao tiếp. Trong khi thực hành, học sinh có dịp được thể hiện các trải nghiệm của mình, được đánh giá, xem xét và nhìn nhận cách sử dụng NTLN của bạn, qua đó các em sẽ tích lũy được những kinh nghiệm sống cho mình. Thực hành vận dụng giúp các em

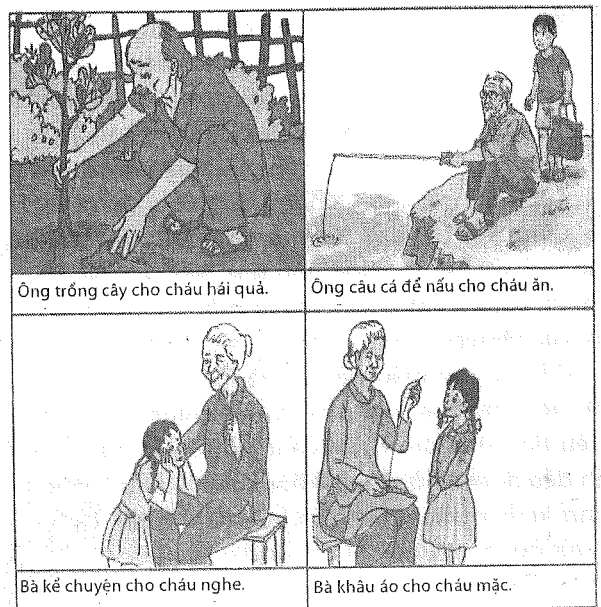
liên tưởng đến những tình huống tương tự hoặc gần gũi mà các em đã được trải nghiệm hoặc đã được quan sát, chứng kiến. Đó có thể là các tình huống giao tiếp thực sự (chào thầy cô giáo, các bạn khi vào lớp, lúc ra về...) hoặc tình huống giả định (học sinh ngồi trong lớp nhưng đóng vai ông bà, cha mẹ, người lớn tuổi, các em nhỏ... trong các khung cảnh không gian khác nhau) để luyện tập các NTLN (chào ông bà, cha mẹ khi đi học và lúc đi học về; yêu cầu, đề nghị một việc gì đó...). Việc đưa ra tình huống giao tiếp mới dựa trên biến đổi các tình huống cũ nhưng vẫn giữ nguyên chủ đề giao tiếp là thích hợp, nhằm làm cho tiết dạy đỡ nhàm chán, duy trì hứng thú học tập của học sinh.

Ví dụ: hoạt động thực hành của tiết học *Cảm ơn, xin lỗi*, giáo viên có thể cho học sinh thực hành bằng những cách sau:

- Cách 1: Giáo viên đưa ra một vài tình huống mới cho học sinh tập nói lời cảm ơn, xin lỗi.

- Cách 2: Cho từng cặp học sinh chơi trò cảm ơn, xin lỗi: mỗi cặp lấy một đồ dùng học tập chuẩn bị trước để chơi trò này theo các tình huống giả định. Tình huống 1: *A vô ý làm rơi bút của bạn, A nói: Tớ xin lỗi vì đã vô ý làm rơi bút của bạn.* Tình huống 2: *B được A cho mượn vở chép bài, B nói: Cảm ơn bạn đã cho mình mượn vở.*

- Cách 3: Cho học sinh quan sát các tranh dưới đây, trao đổi để nói lời cảm ơn ông (bà) thích hợp trong từng tình huống (dẫn theo [2,162]).



Có thể nói, bước thực hành vận dụng chính là bước đánh thức và ý thức hóa các kĩ năng giao tiếp bằng lời mà học sinh thụ nhận được một cách tự nhiên qua cuộc sống hàng ngày của trẻ. Đó là một trong những lí do cốt lõi cho sự tiến bộ nhanh của học sinh. Nó khẳng định sự đúng đắn của quan điểm dạy tiếng qua giao tiếp, dạy tiếng trên cơ sở khai thác và phát triển vốn tiếng mẹ đẻ sẵn có của học sinh.

**\* Bước 4: Vận dụng kiến thức, kĩ năng**

Các hoạt động vận dụng nhằm xem xét học sinh có thể áp dụng kiến thức, kĩ năng đã học vào các tình huống cụ thể hàng ngày được hay không, bao gồm các tình huống trong gia đình và trong cộng đồng. Điều này đem lại ý nghĩa cho giáo dục, cho gia đình và cộng đồng. Đây là bước tạo cơ hội cho học sinh tích hợp, mở rộng và vận dụng các kiến thức và kĩ năng có được vào các tình huống mới. NTLN chỉ được hình thành khi người học được trải nghiệm qua các tình huống thực tế và được luyện tập, thực hành thường xuyên, liên tục, ở lớp cũng như ở nhà và các nơi khác. Học sinh chỉ có kĩ năng khi các em tự làm việc đó chứ không chỉ nói về việc đó. Kinh nghiệm có được khi học sinh hành động đóng vai trong các tình huống đa dạng giúp các em dễ dàng sử dụng và điều chỉnh các NTLN phù hợp với hoàn cảnh thực tế, qua đó phát triển tính độc lập và sáng tạo. Giáo viên cần cho học sinh thiết kế và tổ chức thực hiện các hoạt động trong và ngoài giờ học sao cho học sinh có cơ hội thể hiện ý tưởng cá nhân, tự trải nghiệm và biết phân tích kinh nghiệm sống của chính mình và của người khác để từ đó tránh được các lỗi thường gặp trong giao tiếp.

Ví dụ: Hoạt động cuối của tiết học *Cảm ơn, xin lỗi*, giáo viên giao nhiệm vụ cho học sinh về thực hành, vận dụng ở nhà, tiết học sau sẽ kiểm tra. Có rất nhiều hình thức để hướng dẫn học sinh thực hành vận dụng. Có thể cho học sinh sưu tầm các câu chuyện, các bài văn, bài thơ trong đó có sử dụng các lời cảm ơn, xin lỗi trong các tình huống cụ thể; hoặc có thể cho các em:

- + Xây dựng tình huống nói lời cảm ơn, lời xin lỗi.
- + Xây dựng các nhân vật nói lời cảm ơn, lời xin lỗi.
- + Xây dựng lời cảm ơn, lời xin lỗi phù hợp cho mỗi nhân vật

Từ các tình huống, các câu chuyện được học sinh lấy từ thực tế đời sống, qua việc tìm hiểu, rèn luyện, các em được luyện tập kĩ năng sử dụng NTLN, rộng hơn là kĩ năng giao tiếp để rồi lại giúp các em vận dụng giao tiếp tốt hơn trong cuộc sống. Đây chính là phương pháp dạy học theo quan điểm giao tiếp: dạy bằng hoạt động và qua hoạt động mà chương trình dạy học Tiếng Việt đã định hướng.

Bốn bước cơ bản nêu trên là những gợi ý dạy kiểu bài *Rèn luyện NTLN trong giao tiếp ứng xử*. Tiến hành theo phương hướng này, tiết học nhẹ nhàng, vui mà có ích. Học sinh vừa học vừa chơi, chơi mà học. Các em nắm rất nhanh các quy tắc và nghi thức giao tiếp bằng lời. Từ lần thực hành đóng vai lần thứ nhất (khám phá) đến thực hành đóng vai lần sau (kết nối/vận dụng) đã có sự tiến bộ rõ rệt. Các em đóng vai nhân vật đã biết cách sử dụng các NTLN và thể hiện thái độ, nét mặt, cử chỉ cho phù hợp.

Tuỳ từng NTLN, từng giai đoạn học tập của học sinh, tuỳ từng đối tượng học sinh cụ thể... giáo viên có thể vận dụng quy trình dạy học theo các bước nói trên một cách chủ động, linh hoạt, sáng tạo nhằm thực hiện tốt nhất mục đích, yêu cầu của từng bài học.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ Giáo dục & Đào tạo, *Chương trình môn Tiếng Việt ở tiểu học*, Hà Nội, 2006.
2. Bộ Giáo dục & Đào tạo, *Hướng dẫn học tập Tiếng Việt 2, tập 1 (sách thử nghiệm)*, Hà Nội, 2010.
3. Nguyễn Minh Thuyết (chủ biên), Trần Mạnh Hùng, Lê Phương Nga, Trần Hoàng Túy, *Tiếng Việt 2, tập 1*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2003.
4. Nguyễn Minh Thuyết (chủ biên), Nguyễn Thị Hạnh, Nguyễn Trại, Trần Hoàng Túy, *Tiếng Việt 2, tập 2*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2003.
5. Austin, J.L., *How to Do Things with Words*, Oxford University Press, 1962.

**SUMMARY**

*The article presents the procedure for teaching of Language protocol drill in behavior communication – primary Vietnamese language subject by steps: creating context; recognition of lesson knowledge, skill; practice in new context; application of knowledge, skills.*